

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2022

Số: 220/QĐ-TCCL

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2022
và thực hiện dự toán thu – chi ngân sách Quý II năm 2022

**VIỆN TRƯỞNG
VIỆN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2050/QĐ-TĐC ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện thu chi dự toán NSNN 06 tháng năm 2022 của Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam (theo biểu số 03 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Chánh Văn phòng Viện, Trưởng phòng Tài chính Kế toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Tổng cục TĐC để báo cáo;
- Lưu : Hồ sơ, VT.



PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Phùng Mạnh Trường

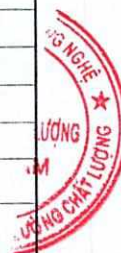
ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2022

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý II năm 2022	Thực hiện Quý II năm 2021	So sánh (%)	
					Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
1	Số thu phí, lệ phí					
1,1	Lệ phí					
1,2	Phí					
	Phí Mã số mã vạch					
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
2,1	Chi sự nghiệp					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
2,2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (MSMV)					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
3,1	Lệ phí					
3,2	Phí					
	Phí Mã số mã vạch					
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	14.738	5.403	3.650	37	68
1	Chi quản lý hành chính					
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học	12.238	4.722	3.650	65	77
2,1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	5.991	1.867	227	31	12
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp QG	5.510	1.867	227	34	12
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ(bao gồm cả kinh phí năm 2021 chuyển sang 176tr)	481,4				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2,2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	4.377	2.826,7	3.112	65	110
2,3	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ về Giải thưởng chất lượng Quốc gia	1.640	28,3	311		



2,3	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	230	0	0		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề					
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	2.500	681	523	27	77
7,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.480	681	523		
7,3	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	20				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu QG)					
2	Chi Chương trình mục tiêu					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)					



Hà Nội, Ngày 08 tháng 7 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Phùng Mạnh Trường